TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v: *"Ly hôn".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H1.

Ông Trần Hữu N.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: A163 khóm 3, phường 9, thành phố VL, tỉnh VL. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1958; Địa chỉ: 716/63 ấp Long Hiệp, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Năm 1991, bà Trần Thị M và ông Nguyễn Hữu H qua tìm hiểu, làm đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa Bắc, thị xã VL, thành phố Cửu Long vào ngày 19/7/1991 (nay thuộc tỉnh VL). Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc. Tuy nhiên, vào năm 2008, ông H có qua lại với nghười phụ nữ khác và bỏ đi theo người phụ nữ này ở xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Bà M thì ở lại quê nhà tự làm kiếm sống, nuôi hai con, ông H chưa một lần ghé thăm hay phụ giúp bất kỳ vật chất gì để nuôi con.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông H nữa nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, bà M và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H1, sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn Ngọc Mỹ H2, sinh ngày 19/6/2000, hiện đã trưởng thành, đủ khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên bà M không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc phải đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn nên bà M yêu cầu giải quyết vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ kiện.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật HNGĐ 2014:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị M đối với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H1, sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn Ngọc Mỹ H2, sinh ngày 19/6/2000, hiện hai cháu đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trần Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H, có địa chỉ tại 716/63 ấp Long Hiệp, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn được Tòa án xem xét giải quyết và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị M có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Nguyễn Hữu H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều

227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông H là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị M và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tân Hòa Bắc, thị xã VL, thành phố Cửu Long (thuộc tỉnh VL ngày nay) vào ngày 19/7/1991 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà M cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H được hạnh phúc nhưng sau đó ông H có qua lại với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi theo người phụ nữ này sinh sống tại xã HN, huyện CL, tỉnh BT, bỏ mặc bà một mình kiếm sống và nuôi dạy hai người con và ông bà đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, ông H chưa một lần về thăm, cũng chưa bao giờ phụ giúp bất kỳ khoản tiền hay vật chất để nuôi con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà M cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Còn ông H mặc dù đã được Tòa án mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên hàn gắn gia đình nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ, bản thân ông H không mong muốn hàn gắn gia đình.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai. Do đó, HĐXX nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M với ông H là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận bà M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà M và ông H có tạo ra 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H1 - sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn Ngọc Mỹ Hiền - sinh ngày 19/6/2000, cả hai người con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: bà M khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết và cũng không ai có ý kiến yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 264, 265, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị M với ông Nguyễn Hữu H. Cụ thể tuyên:

Bà Trần Thị M được ly hôn với bà Nguyễn Hữu H.

Bà Trần Thị M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà Trần Thị M với ông Nguyễn Hữu H có tạo ra hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H1 - sinh ngày 07/02/1992 và Nguyễn Ngọc Mỹ Hiền - sinh ngày 19/6/2000, cả hai người con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008983 ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT, bà M đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà M, ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện CL;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)